

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 01 - 2019

V/v chị Đ xin ly hôn anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đ Văn Rạng

Ông Ngô Ngọc Gang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đ - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Hậu Điền, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm Hậu Điền, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Đ, vắng mặt anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/10/2018 cũng như lời khai chị nguyên đơn là chị Đỗ Thị Đ trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T vào tháng 02/2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Quá trình chung sống thì chị và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc tại xã N được khoảng một năm. Đến năm 2002 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh T bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh T ghen tuông nghi ngờ chị sống không chung thủy với anh T. Khi mâu thuẫn xảy ra

thì chị và anh T vào huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông làm kinh tế nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng, nhưng anh T vẫn không thay đổi và chị bị ốm đau nhưng anh T không quan tâm. Đến năm 2016 thì chị về xã Nghĩa Thành làm ăn còn anh T đến năm 2017 mới về. Anh T về chung sống với chị được ít ngày vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên tháng 10/2017 chị đến nhà chị gái ở xã N mượn đất làm kinh tế nhưng anh T vẫn đến chửi bới chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin được ly hôn anh T. Về con chung giữa chị và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần Văn S sinh ngày 05/4/1997 và Trần Thị Lan A sinh ngày 26/10/2004. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, còn cháu Lan A chưa trưởng thành và đang do chị nuôi dưỡng, nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lan A. Trước đây chị có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Lan A cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh T thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn T vắng mặt nhưng anh T có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Đỗ Thị Đ về việc kết hôn và sống chung giữa anh và chị Đ. Sau khi kết hôn anh và chị Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thời gian gần đây, nguyên nhân là do anh và chị Đ bất đồng về quan điểm sống, chị Đ không quan tâm đến anh, mọi vấn đề chị Đ không bàn bạc với anh nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2016 đến nay thì anh và chị Đ sống ly thân nhau. Nay chị Đ xin ly hôn anh thì anh nhất trí ly hôn chị Đ. Về con chung giữa anh và chị Đ có hai con chung là Trần Văn S sinh ngày 05/4/1997 và Trần Thị Lan A sinh ngày 26/10/2004. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, còn cháu Lan A đang do chị Đ nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị giải quyết để chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan A và anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lan A cùng chị Đ. Về tài sản chung giữa anh và chị Đ thì anh không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công nhận thuận tình ly giữa chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T. về con chung: giao cháu Trần Thị Lan A sinh ngày 26/10/2004 cho chị Đỗ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn

T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Thị Đ đối với cháu Trần thị Lan A; về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T đều cư trú tại xã N huyện N, tỉnh N; nay chị Đỗ Thị Đ có đơn xin ly hôn anh Trần Văn T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T được tổ chức kết hôn vào tháng 02/2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì chị Đ và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc tại xã N được khoảng một năm, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do chị Đ và anh T không hợp tính nhau, trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T không được cải thiện. Từ tháng 10/2017 đến nay chị Đ đến ở nhờ trên đất của chị gái ở xã Nghĩa Hải làm kinh tế và cắt đứt quan hệ với anh T. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Đ xin ly hôn anh T và anh T cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần Văn S sinh ngày 05/4/1997 và Trần Thị Lan A sinh ngày 26/10/2004. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được và các bên không yêu cầu xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Lan A chưa trưởng thành và đang do chị Đ nuôi dưỡng. Nay chị Đ đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lan A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lan A cùng chị và phía anh T cũng nhất trí để chị Đ tiếp tục nuôi cháu Lan A và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ, thấy đề nghị của hai bên là tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết..

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Đ và anh Trần Văn T.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Lan A sinh ngày 26/10/2004 cho chị Đỗ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đỗ Thị Đ đối với cháu Trần Thị Lan A. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Đỗ Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đỗ Thị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06348 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Đỗ Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đ, vắng mặt anh T. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND. H N;
- Chi cục THADS. H N;
- UBND xã N;
- Lưu.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đ Văn Rạng

Ngô Ngọc Gang

Trần Xuân Dũng